SPA 4000~10000 TL3 BH

- Hỗ trợ nâng cấp hệ thống cũ & mới
- Tương thích với cả lưới 1 pha và 3 pha
- Lập trình được nhiều chế độ làm việc
- Giao diện VPP được tích hợp sẵn cho dịch vụ năng lượng
- Vận hành và bảo trì từ xa
- Cấp bảo vệ IP65 & làm mát tự nhiên

Thông số kỹ thuật	SPA 4000TL3 BH	SPA 5000TL3 BH	SPA 6000TL3 BH	SPA 7000TL3 BH	SPA 8000TL3 BH	SPA 10000TL3 BH
Thông số đầu vào (PC)						
Công suất danh định AC	4000W	5000W	6000W	7000W	8000W	10000W
Công suất biểu kiến AC	4000VA	5000VA	6000VA	7000VA	8000VA	10000VA
Điện áp danh định (Dải*)	230V/400V (310~476V)					
Tần số lưới AC (Dải *)	50Hz/60Hz (45Hz-55Hz/55Hz-65Hz)					
Dòng ra cực đại	6.1A	7.6A	9.1A	10.6A	12.1A	15.2A
Dải điều chỉnh hệ số công suất	0.8leading...0.8lagging					
THDi	<3%					
Kiểu kết nối AC	3W+N+PE					
Thông số đầu Ắcquy (DC)						
Dải điện áp ắcquy	100~550V					
Dòng điện sạc và xả cực đại	25A					
Công suất sạc và xả liên tục	4000W	5000W	6000W	7000W	8000W	10000W
Loại Ắc quy	Ắc quy Lithium					
Nguồn Backup (AC)						
Công suất đầu ra AC cực đại	4000W	5000W	6000W	7000W	8000W	10000W
Công suất biểu kiến AC cực đại	4000VA	5000VA	6000VA	7000VA	8000VA	10000VA
Dòng ra cực địa	6.1A	7.6A	9.1A	10.6A	12.1A	15.2A
Điện áp AC danh định	230V/400V					
Tần số đầu ra AC danh định	50/60HZ					
THDv	<3%					
Thời gian chuyển mạch	<0.5S					
Thiết bị bảo vệ						
Bảo vệ chống sét phía AC	Type II					
Bảo vệ chống ngược cực Ắcquy	có					
Bảo vệ ngắn mạch AC	có					
Giám sát lỗi chạm đất	có					
Giám sát lưới	có					
Bảo vệ Anti-islanding	có					
Giám sát dòng rò	có					
Giám sát điện trở cách điện	có					
Thông số chung						
Kích thước (Ngang/cao/sâu)	505/453/198mm					
Trọng lượng	28kg					
Dải nhiệt độ làm việc	-25 ℃ ... +60 ℃					
Công suất tiêu thụ ban đêm	<13W					
Topology	Không máy biến áp					
Làm mát	Tự nhiên					
Cấp bảo vệ	IP65					
Độ ẩm tương đối	0~100%					
Độ caol ắp đặt so với mực nước biển	3000m					
Đầu nối phía AC	Đầu nối					
Hiển thị	LCD+LED					
Giao diện: RS486/USB/Wi-Fi/GPRS/RF/LAN	Có					
Giám sát : RF/WIFI/GPRS	Tùy chọn					
Bảo hành: 5 năm/10 năm	Có/Tùy chọn					
CE, IEC62109, G98, VDE0126-1-1, VDE-AR-N4105, CEI 0-21, IEC62116&IEC61727, EN50438, EN50549, AS4777, AS/NZS 3100, C10/11、TOR Erzeuger						